TÒA ÁN NHÂN DÂ **HUYỆN T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HSST
Ngày: 23/06/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Quân
*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Quách Hà Vính
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 23/06/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2022/TLST-HS, ngày 13/05/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HS, ngày 10/06/2022 đối với bị cáo:

Bùi Văn B; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/11/1993, tại xã TS, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn LS, xã TS, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Có bố: Bùi Văn Đ; Có mẹ: Bùi Thị V; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án : Ngày 28/7/2020 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Nhân thân : Ngày 09/3/2022, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù giam về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi". khi B thực hiện hành vi Trộm cắp, án chưa có hiệu lực pháp luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2022 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Những người tham gia tố tụng:*
- *Bị hại:* Chị Bùi Thị T – sinh năm 1978, trú tại thôn thôn LS, xã TS, huyện T, Thanh Hóa.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 09 giờ, ngày 15/3/2022, Bùi Văn B – sinh năm 1993, trú tại thôn LS, xã TS, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, một mình đi đến nhà chị Bùi Thị T – sinh năm 1978 ở cùng thôn chơi thì thấy nhà chị T không có ai ở nhà. Do thường xuyên đến chơi với con trai chị T và đã từng ngủ lại tại đây nên B biết chị T đi làm công nhân may ở xã Thành Tâm, huyện T không có ở nhà. Lúc này B nảy sinh ý định vào nhà chị T để trộm cắp tài sản. Sau đó, B đi vào nhà chị T lấy một con dao dạng dao bài, không có cán, lưỡi dao dài 31cm, đã bị gỉ sét ở góc sân và dùng con dao này cạy cửa phụ (cửa chốt trong) nhà chị T, làm bung chốt cửa phụ ra. Sau đó, B đi vào bên trong và tìm kiếm trong tủ quần áo ở gian buồng ngủ nhà chị T, trộm cắp số tiền 570.000đ (năm trăm bảy mươi nghìn đồng) và một chiếc thẻ ATM, màu vàng của ngân hàng SACOMBANK được kẹp bên trong một tờ giấy kẻ ngang, trên giấy có ghi số tự nhiên là mật khẩu thẻ ngân hàng. B cầm số tiền và thẻ ATM trộm cắp được đi về nhà.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, B mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh của chị T1 – sinh năm 1979, trú tại thôn LS, xã TS, huyện T, là thím của B để đi mua thuốc lá. B cầm chiếc thẻ ATM cùng tờ giấy ghi mật khẩu thẻ đi đến cây rút tiền của ngân hàng Agribank T tại thị trấn KT, huyện T. B đưa thẻ ATM vào cây rút tiền, nhập mật khẩu và rút tiền, B rút 05 (năm) lần được 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), sau đó B đi về nhà. Số tiền B trộm cắp được tại nhà chị T và rút tại cây ATM B đã tiêu sài cá nhân hết. (BL: 49; 51-54; 55-58; 59-61; 77-82). Đến ngày 23/3/2022, nhận thức được hành vi của mình là sai trái và không thể trốn tránh được nên Bùi Văn B đã đến Cơ quan Công an để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra Bùi Văn B khai nhận Đối với 01 (một) chiếc thẻ ATM màu vàng của ngân hàng SACOMBANK B trộm cắp, sau khi rút được tiền trong tài khoản, chiều cùng ngày trên đường đi xuống huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa chơi, Bùi Văn B đã vứt chiếc thẻ vào một xe đổ rác ven đường, không còn nhớ rõ vị trí nên Cơ quan điều tra không thể thu thập được.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Về vật chứng của vụ án : Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha mang BKS 36E1-283.20, xe sơn màu xanh, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm thể thao, không rõ nhãn hiệu, màu vàng, trên mũ có in hình hai con gấu. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị T1 – sinh năm 1979, trú tại thôn LS, xã TS, huyện T, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho chị Tình là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) con dao, dạng dao bài, không có cán, lưỡi dao bằng kim loại dài 31cm, bị gỉ sét là dao của chị Bùi Thị T nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Bùi Thị T yêu cầu Bùi Văn B bồi thường số tiền 6.070.000đ (sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác (BL:81-83).

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSTT ngày 13/05/2022, Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Bùi Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS)

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điểm h Khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 56, Điều 38 BLHS, xử phạt Bùi Văn B mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 42 tháng tù của bản án số 14/HSST ngày 09/03/2022 của TAND huyện T mà bị cáo chưa chấp hành. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Bùi Thị T yêu cầu Bùi Văn B bồi thường số tiền 6.070.000đ là số tiền B đã trộm cắp được của chị, yêu cầu này là phù hợp đề nghị HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa: Bùi Văn B thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng mô tả. Phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HĐXX

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở chứng minh vào khoảng 09 giờ, ngày 15/3/2022 lợi dụng sơ hở của bị hại là chị Bùi Thị T thấy nhà chị T không có ai ở nhà. Bị cáo B nảy sinh ý định vào nhà chị T để trộm cắp tài sản. Sau đó, B đi vào nhà chị T lấy một con dao dạng dao bài, không có cán, lưỡi dao dài 31cm, đã bị gỉ sét ở góc

sân và dùng con dao này cạy cửa phụ (cửa chốt trong) nhà chị T, làm bung chốt cửa phụ ra. Sau đó, B đi vào bên trong và tìm kiếm trong tủ quần áo ở gian buồng ngủ nhà chị T, trộm cắp số tiền 570.000đ (năm trăm bảy mươi nghìn đồng) và một chiếc thẻ ATM, màu vàng của ngân hàng SACOMBANK được kẹp bên trong một tờ giấy kẻ ngang, trên giấy có ghi số tự nhiên là mật khẩu thẻ ngân hàng. Bị cáo cầm số tiền và thẻ ATM trộm cắp được đi về nhà, đến khoảng 12 giờ cùng ngày, B mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh của chị T1 – sinh năm 1979, trú tại thôn LS, xã TS, huyện T, là thím của B để đi mua thuốc lá. Bị cáo cầm chiếc thẻ ATM cùng tờ giấy ghi mật khẩu thẻ đi đến cây rút tiền của ngân hàng Agribank T tại thị trấn KT, huyện T. Bị cáo rút 05 (năm) lần được số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS. Cáo trạng mà VKSND huyện T đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng là tái phạm, và có 02 tình tiết giảm nhẹ là; "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và đầu thú được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS khi lượng hình HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần hình phạt.

[4]. Về tính chất của vụ án: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do Bùi Văn B thực hiện. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn. Bị cáo cáo là người có nhân thân xấu, ngoài lần phạm tội này bị cáo đã 2 lần bị tòa án đưa ra xét xử bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chửa lỗi lầm mà tiếp tục lâm vào con đường phạm tội, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, đối với bản án trước bị cáo chưa thi hành nên lần phạm tội này cần tổng hợp hình phạt của bản án trước buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án theo quy định tại Điều 56 BLHS.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Bùi Thị T yêu cầu Bùi Văn B bồi thường số tiền 6.070.000đ đây là số tiền bị cáo chiếm đoạt chưa bồi thường cho bị hại vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bị hại buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền trên là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm h Khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56, Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn B 12(mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 42 (bốn hai) tháng tù của bản án số: 14/2022/HSST ngày 09/03/2022 của TAND huyện T. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 54(năm tư) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 23/03/2022.

Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 BLDS; Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

-Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Bùi Thị T số tiền 6.070.000đ (sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Từ khi bà Bùi Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền bồi thường, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

-Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSSST và 303.000đ áp phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;Người bị hại;*
- *VKSND huyện T;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Công an huyện T;*
- *Đội THAHS công an T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Văn Quân